

Bản án số: 130/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Trọng Tuấn

Bà Nguyễn Thị Luyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Huyền T; nơi ĐKKHKT: Số B A, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Laxgården C (lgh 1203) 691 51 Karlskoga T; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Phạm Hồng T1; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú cuối cùng tại Việt Nam: Số B A, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Thụy Điền; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là Chị Đỗ Thị Huyền T trình bày:

Chị Đỗ Thị Huyền T và anh Phạm Hồng T1 quen biết nhau, sau đó anh chị tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, quận H, thành phố Hải Phòng vào ngày 05/12/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng, nguyên nhân chủ yếu do không cùng chung quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến việc thường xuyên cãi vã. Hai bên gia đình, bạn bè đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng hiện nay đã ly thân một thời gian dài đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nhận thấy mâu thuẫn giữa anh chị không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Phạm Hồng T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 không có con chung nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T không biết địa chỉ của anh T1 tại Thụy Điển nên không cung cấp được cho Tòa án. Chị được biết anh T1 vẫn thường xuyên liên lạc cho bố đẻ của mình là ông Phạm Trung T2.

Đối với bị đơn là anh Phạm Hồng T1:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về việc yêu cầu cung cấp địa chỉ ở Thụy Điển của anh Phạm Hồng T1 cho ông Phạm Trung T2 là bố đẻ của anh Phạm Hồng T1. Ông Phạm Trung T2 trình bày anh Phạm Hồng T1 vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại với ông. Ông Phạm Trung T2 đã thông báo cho anh T1 về việc chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh T1, yêu cầu anh T1 cung cấp địa chỉ hiện tại ở Thụy Điển và gửi lời khai đối với yêu cầu khởi kiện của chị T cho Tòa án. Tuy nhiên, anh T1 không thực hiện việc cung cấp địa chỉ và gửi lời khai về cho Tòa án, do vậy ông T2 không thể cung cấp được địa chỉ hiện tại của anh T1 cho Tòa án. Anh T1 trao đổi qua điện thoại với ông T2, anh đồng ý ly hôn với chị T do xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng. Về con chung: Anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của ông Phạm Trung T2 như sau: Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, quận H, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Gia đình hai bên đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện nay, anh chị đã sống ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm đến cuộc sống nhau. Do vậy, ông T2 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly

hôn anh T1. Về con chung và về tài sản chung: Anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại **Điều 227, Điều 228** và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Đỗ Thị Huyền T được ly hôn anh Phạm Hồng T1. Về con chung: Chị T xác nhận chị và anh T1 không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung, chị Đỗ Thị Huyền T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Ngoài ra đề nghị giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị Huyền T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Hồng T1. Do đó quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn”. Anh Phạm Hồng T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng ở thành phố Hải Phòng, hiện đang sinh sống ở Thụy Điển, chị Đỗ Thị Huyền T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Đỗ Thị Huyền T vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Phạm Hồng T1 vắng mặt tại địa phương, sinh sống ở nước ngoài nhưng không cung cấp địa chỉ cho Tòa án và nguyên đơn biết. Như vậy, trường hợp này bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng, Anh T1 đã biết các văn bản tố tụng của Tòa án được gửi cho anh T1 thông qua ông Phạm Trung T2 nhưng anh T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. **Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân**

sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Huyền T và anh Phạm Hồng T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, quận H, thành phố Hải Phòng vào ngày 05/12/2017. Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị T và bố đẻ của anh T1 xét thấy quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dù được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả. Qua lời trình bày của bố đẻ anh T1 thì anh T1 có quan điểm đồng ý ly hôn với chị T. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa anh T1 và chị T không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã ly thân trong một thời gian dài nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Huyền T đối với anh Phạm Hồng T1.

[4] Về con chung: Chị Đỗ Thị Huyền T xác nhận chị và anh Phạm Hồng T1 không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Huyền T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Huyền T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Huyền T và anh Phạm Hồng T1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8; Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Huyền T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Huyền T được ly hôn anh Phạm Hồng T1.

1.2. Về con chung: Chị Đỗ Thị Huyền T xác nhận chị và anh Phạm Hồng T1 không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Huyền T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Huyền T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000210 ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị Huyền T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Đỗ Thị Huyền T (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Anh Phạm Hồng T1 (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thúy Hà